

Phụ lục I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ LĨNH VỰC
MÔI TRƯỜNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
1	Thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (1.010733)	- Thời hạn thẩm định: + Tối đa 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án đầu tư nhóm I. + Tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án đầu tư nhóm II. - Thời hạn phê duyệt: tối đa là 20 (hai mươi) ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến (một phần) hoặc qua dịch vụ bưu chính	- Đối với dự án Nhóm 1. Dự án công trình dân dụng có mức thu tương ứng với tổng vốn đầu tư như sau: + Tổng vốn đầu tư đến 10 tỷ: 5.600.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 10 tỷ đến 20 tỷ: 8.750.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 20 tỷ đến 50 tỷ: 14.700.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 50 tỷ đến 100 tỷ: 26.250.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 100 tỷ đến 200 tỷ: 29.050.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 200 tỷ đến 500 tỷ: 37.800.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 500 tỷ đến 1.000 tỷ: 42.700.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 1.000 tỷ đến 1.500 tỷ: 45.500.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 1.500 tỷ đến 2.000 tỷ: 46.900.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 2.000 tỷ đến 3.000 tỷ: 49.000.000 đồng/dự án	- Luật bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

					+ Tổng vốn đầu tư trên 3.000 tỷ đến 5.000 tỷ: 50.750.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 5.000 tỷ đến 7.000 tỷ: 53.900.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 7.000: 58.800.000 đồng/dự án - Đối với dự án Nhóm 2. Dự án hạ tầng kỹ thuật (trừ dự án giao thông) có mức thu tương ứng với tổng vốn đầu tư như sau: + Tổng vốn đầu tư đến 10 tỷ: 6.020.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 10 tỷ đến 20 tỷ: 9.100.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 20 tỷ đến 50 tỷ: 15.400.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 50 tỷ đến 100 tỷ: 26.600.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 100 tỷ đến 200 tỷ: 29.400.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 200 tỷ đến 500 tỷ: 38.500.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 500 tỷ đến 1.000 tỷ: 43.400.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 1.000 tỷ đến 1.500 tỷ: 46.900.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 1.500 tỷ đến 2.000 tỷ: 47.600.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 2.000 tỷ đến 3.000 tỷ: 49.700.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 3.000 tỷ đến 5.000 tỷ: 51.800.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 5.000 tỷ đến 7.000 tỷ: 54.600.000 đồng/dự án	- Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 01/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh
--	--	--	--	--	--	--

					+ Tổng vốn đầu tư trên 7.000: 60.200.000 đồng/dự án - Đối với dự án Nhóm 3. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi có mức thu tương ứng với tổng vốn đầu tư như sau: + Tổng vốn đầu tư đến 10 tỷ: 6.160.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 10 tỷ đến 20 tỷ: 9.450.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 20 tỷ đến 50 tỷ: 15.750.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 50 tỷ đến 100 tỷ: 27.300.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 100 tỷ đến 200 tỷ: 30.100.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 200 tỷ đến 500 tỷ: 39.200.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 500 tỷ đến 1.000 tỷ: 44.450.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 1.000 tỷ đến 1.500 tỷ: 47.950.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 1.500 tỷ đến 2.000 tỷ: 49.000.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 2.000 tỷ đến 3.000 tỷ: 51.100.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 3.000 tỷ đến 5.000 tỷ: 53.200.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 5.000 tỷ đến 7.000 tỷ: 56.000.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 7.000: 61.600.000 đồng/dự án - Đối với dự án Nhóm 4. Dự án giao thông có mức thu tương ứng với tổng	
--	--	--	--	--	--	--

					vốn đầu tư như sau: + Tổng vốn đầu tư đến 10 tỷ: 6.440.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 10 tỷ đến 20 tỷ: 9.800.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 20 tỷ đến 50 tỷ: 16.100.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 50 tỷ đến 100 tỷ: 28.700.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 100 tỷ đến 200 tỷ: 31.500.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 200 tỷ đến 500 tỷ: 41.300.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 500 tỷ đến 1.000 tỷ: 46.200.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 1.000 tỷ đến 1.500 tỷ: 50.400.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 1.500 tỷ đến 2.000 tỷ: 51.450.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 2.000 tỷ đến 3.000 tỷ: 53.200.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 3.000 tỷ đến 5.000 tỷ: 55.300.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 5.000 tỷ đến 7.000 tỷ: 58.800.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 7.000:64.400.000 đồng/dự án - Đối với dự án Nhóm 5. Dự án công nghiệp có mức thu tương ứng với tổng vốn đầu tư như sau: + Tổng vốn đầu tư đến 10 tỷ: 6.720.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 10 tỷ đến 20 tỷ: 10.500.000 đồng/dự án	
--	--	--	--	--	---	--

					+ Tổng vốn đầu tư trên 20 tỷ đến 50 tỷ: 16.800.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 50 tỷ đến 100 tỷ: 30.100.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 100 tỷ đến 200 tỷ: 32.900.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 200 tỷ đến 500 tỷ: 43.400.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 500 tỷ đến 1.000 tỷ: 48.300.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 1.000 tỷ đến 1.500 tỷ: 52.500.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 1.500 tỷ đến 2.000 tỷ: 53.550.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 2.000 tỷ đến 3.000 tỷ: 55.300.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 3.000 tỷ đến 5.000 tỷ: 57.400.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 5.000 tỷ đến 7.000 tỷ: 60.900.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 7.000: 67.200.000 đồng/dự án - Đối với dự án Nhóm 6. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường và các Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5 nêu trên) có mức thu tương ứng với tổng vốn đầu tư như sau: + Tổng vốn đầu tư đến 10 tỷ: 4.200.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 10 tỷ đến 20 tỷ: 6.300.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 20 tỷ đến 50 tỷ: 10.500.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 50 tỷ đến 100	
--	--	--	--	--	---	--

					tỷ: 18.900.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 100 tỷ đến 200 tỷ: 21.000.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 200 tỷ đến 500 tỷ: 27.300.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 500 tỷ đến 1.000 tỷ: 30.800.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 1.000 tỷ đến 1.500 tỷ: 33.600.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 1.500 tỷ đến 2.000 tỷ: 34.300.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 2.000 tỷ đến 3.000 tỷ: 35.700.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 3.000 tỷ đến 5.000 tỷ: 37.100.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 5.000 tỷ đến 7.000 tỷ: 39.200.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 7.000: 42.700.000 đồng/dự án Mức thu phí thẩm định lại báo cáo đánh giá tác động môi trường bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu tương ứng mức phí nêu trên. Đối với các dự án thuộc từ 02 nhóm trở lên thì áp dụng mức phí của nhóm có mức thu cao nhất.	
2	2 Thẩm định, phê duyệt phương cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai	- Thời gian giải quyết: 45 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến (một phần) hoặc qua dịch vụ bưu chính	+ Tổng vốn đầu tư đến 10 tỷ: 4.200.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 10 tỷ đến 20 tỷ: 6.300.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 20 tỷ đến 50 tỷ: 10.500.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 50 tỷ đến 100 tỷ: 18.900.000 đồng/dự án	- Luật bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định

	thác khoáng sản 1.010735			+ Tổng vốn đầu tư trên 100 tỷ đến 200 tỷ: 21.000.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 200 tỷ đến 500 tỷ: 27.300.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 500 tỷ đến 1.000 tỷ: 30.800.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 1.000 tỷ đến 1.500 tỷ: 33.600.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 1.500 tỷ đến 2.000 tỷ: 34.300.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 2.000 tỷ đến 3.000 tỷ: 35.700.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 3.000 tỷ đến 5.000 tỷ: 37.100.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 5.000 tỷ đến 7.000 tỷ: 39.200.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 7.000: 42.700.000 đồng/dự án - Đối với dự án có phương án cải tạo, phục hồi môi trường (hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung) và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt có mức thu tương ứng với tổng vốn đầu tư như sau: + Tổng vốn đầu tư đến 10 tỷ: 2.800.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 10 tỷ đến 20 tỷ: 4.200.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 20 tỷ đến 50 tỷ: 7.000.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 50 tỷ đến 100 tỷ: 12.600.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 100 tỷ đến 200	số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 01/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh
--	--------------------------------	--	--	--	---

					tỷ: 14.000.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 200 tỷ đến 500 tỷ: 18.200.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 500 tỷ đến 1.000 tỷ: 20.510.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 1.000 tỷ đến 1.500 tỷ: 22.400.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 1.500 tỷ đến 2.000 tỷ: 22.890.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 2.000 tỷ đến 3.000 tỷ: 23.800.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 3.000 tỷ đến 5.000 tỷ: 24.500.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 5.000 tỷ đến 7.000 tỷ: 26.110.000 đồng/dự án + Tổng vốn đầu tư trên 7.000: 28.490.000 đồng/dự án Mức thu phí thẩm định lại phương án cải tạo phục hồi môi trường bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu tương ứng mức phí nêu trên	
3	Cấp giấy phép môi trường 1.010727	- Thời hạn kiểm tra trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Không quy định; - Thời hạn thẩm định, trả kết quả: + 20 ngày đối với trường hợp Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính	- Đối với dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường phải thành lập hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường, không tổ chức kiểm tra thực tế: 18.200.000 đồng/Giấy phép/Dự án, cơ sở - Đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động phải thành lập đoàn kiểm tra và tổ chức kiểm tra thực tế: 27.600.000 đồng/Giấy phép/Dự án, cơ sở	- Luật bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định Quy định phân

		+ 30 ngày đối với trường hợp còn lại			- Đối với trường hợp dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường phải thành lập hội đồng thẩm định và tổ chức khảo sát tại nơi thực hiện dự án 38.500.000 đồng/giấy phép/Dự án, cơ sở - Đối với dự án, cơ sở theo quy định tại khoản 8, Điều 29, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ: 3.450.000 đồng/Giấy phép/Dự án, cơ sở.	định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 01/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 và Nghị quyết số 67/2023/NQ-HĐND ngày 04/10/2023 của HĐND tỉnh
4	Cấp đổi giấy phép môi trường 1.010728	- Thời hạn kiểm tra trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Không quy định - Thời hạn thẩm định, trả kết quả: 10 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính	Không quy định	- Luật bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ

			công tỉnh Sơn La			sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 01/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 và Nghị quyết số 67/2023/NQ-HĐND ngày 04/10/2023 của HĐND tỉnh
--	--	--	---------------------	--	--	--

5	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường 1.010729	- Thời hạn kiểm tra trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Không quy định; - Thời hạn thẩm định, trả kết quả: 25 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính	Đối với dự án, cơ sở đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: 7.100.000 đồng/Giấy phép/Dự án, cơ sở	- Luật bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 01/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và
---	--	---	--	--	---	--

						Môi trường. - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 và Nghị quyết số 67/2023/NQ-HĐND ngày 04/10/2023 của HĐND tỉnh
6	Cấp lại giấy phép môi trường 1.010730	- Thời hạn kiểm tra trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Không quy định; - Thời hạn thẩm định, trả kết quả: + 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong trường hợp việc tiếp nhận và trả kết quả cấp lại giấy phép môi trường được thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến toàn trình của cơ quan cấp phép đối với dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và khi có yêu cầu của chủ dự án đầu tư. + 30 ngày kể từ ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính	- Đối với dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường phải thành lập hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường, không tổ chức kiểm tra thực tế: 18.200.000 đồng/Giấy phép/Dự án, cơ sở. - Đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động phải thành lập đoàn kiểm tra và tổ chức kiểm tra thực tế: 27.600.000 đồng/Giấy phép/Dự án, cơ sở. - Đối với trường hợp dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường phải thành lập hội đồng thẩm định và tổ chức khảo sát tại nơi thực hiện dự án 38.500.000 đồng/giấy phép/Dự án, cơ sở. - Đối với dự án, cơ sở theo quy định tại khoản 8, Điều 29, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ: 3.450.000 đồng/Giấy phép/Dự án, cơ sở.	- Luật bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 01/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

		nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường				- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 và Nghị quyết số 67/2023/NQ-HĐND ngày 04/10/2023 của HĐND tỉnh
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ					
1	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường Mã số: 1.010736	- Thời hạn kiểm tra về tính đầy đủ và hợp lệ hồ sơ: Không quy định; - Thời hạn xử lý, trả kết quả: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; + Trường hợp không có phản hồi trong thời hạn quy định được coi là thống nhất với nội dung tham vấn	- Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	- Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến (nếu có) hoặc qua dịch vụ bưu chính	Không quy định	- Luật bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ - Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 01/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

PHỤ LỤC II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Thủ tục Thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường

1.1. Thủ tục Thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với dự án nhóm I)

- Thời gian giải quyết: 65 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Nhận, kiểm tra sơ bộ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	+ Trường hợp: Hồ sơ không đầy đủ thì từ chối. + Trường hợp: Hồ sơ đầy đủ theo quy định tiếp nhận (Scant hồ sơ và thu phí thẩm định trong trường hợp chủ dự án/cơ sở có nhu cầu). Bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn kèm biên lai thu phí	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý môi trường	Lãnh đạo phòng	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên	+ Trường hợp: Hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dự thảo các văn bản để thực hiện thẩm định; thông báo nộp phí thẩm định. + Trường hợp: Hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ thì Dự thảo văn bản thông báo cho chủ dự án.	03 ngày
		Lãnh đạo phòng	Thẩm định dự thảo	1/2 ngày
		Lãnh đạo sở	Ký, ban hành	1/2 ngày

B3	UBND tỉnh ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định			03 ngày
B4	Tổ chức các hoạt động thẩm định (gửi hồ sơ cho các thành viên; Họp thẩm định; tổng hợp kết quả; trình ban hành Thông báo kết quả thẩm định)			35 ngày
B5	UBND tỉnh ban hành Kết quả thẩm định			02 ngày
B6	Tiếp nhận hồ sơ phê duyệt	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Chuyển hồ sơ về phòng chuyên môn	1/2 ngày
B7	Phòng Quản lý môi trường thẩm định hồ sơ trình phê duyệt	Chuyên viên	Dự thảo Văn bản trình cấp phép hoặc không cấp phép (trong trường hợp không đủ điều kiện)	12 ngày
		Lãnh đạo phòng	Thẩm định dự thảo	1/2 ngày
		Lãnh đạo sở	Ký, ban hành	1/2 ngày
B8	Liên thông UBND tỉnh ban hành Quyết định hoặc văn bản trả hồ sơ			06 ngày
B9	Tiếp nhận và trả kết quả liên thông	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Kết quả liên thông	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				65 ngày
Ghi chú: Trường hợp phải hoàn thiện hồ sơ, chủ dự án được phép chỉnh sửa không quá 12 tháng. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thẩm định.				

1.2. Thủ tục Thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với dự án nhóm II)

- Thời gian giải quyết: 50 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Nhận, kiểm tra sơ bộ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	+ Trường hợp: Hồ sơ không đầy đủ thì từ chối. + Trường hợp: Hồ sơ đầy đủ theo quy định tiếp nhận (Scant hồ sơ và thu phí thẩm định trong trường hợp chủ dự án/cơ sở có nhu cầu). Bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn kèm biên lai thu phí (nếu có)	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý môi trường	Lãnh đạo phòng	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên	+ Trường hợp: Hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dự thảo các văn bản để thực hiện thẩm định; thông báo nộp phí thẩm định. + Trường hợp: Hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ thì Dự thảo văn bản thông báo cho chủ dự án.	03 ngày
		Lãnh đạo phòng	Thẩm định dự thảo	1/2 ngày
		Lãnh đạo sở	Ký, ban hành	1/2 ngày
B3	UBND tỉnh ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định			03 ngày
B4	Tổ chức các hoạt động thẩm định (gửi hồ sơ cho các thành viên; Họp thẩm định; tổng hợp kết quả; trình ban hành Thông báo kết quả thẩm định)			20 ngày
B5	UBND tỉnh ban hành Kết quả thẩm định			02 ngày

B6	Tiếp nhận hồ sơ phê duyệt	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Chuyển hồ sơ về phòng chuyên môn	1/2 ngày
B7	Phòng Quản lý môi trường thẩm định hồ sơ trình phê duyệt	Chuyên viên	Dự thảo Văn bản trình cấp phép hoặc không cấp phép (trong trường hợp không đủ điều kiện)	12 ngày
		Lãnh đạo phòng	Thẩm định dự thảo	1/2 ngày
		Lãnh đạo sở	Ký, ban hành	1/2 ngày
B8	Liên thông UBND tỉnh ban hành Quyết định hoặc văn bản trả hồ sơ			06 ngày
B9	Tiếp nhận và trả kết quả liên thông	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Kết quả liên thông	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				50 ngày
Ghi chú: Trường hợp phải hoàn thiện hồ sơ, chủ dự án được phép chỉnh sửa không quá 12 tháng. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thẩm định.				

2. Thủ tục Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)

- Thời gian giải quyết : 45 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Nhận, kiểm tra sơ bộ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	+ Trường hợp: Hồ sơ không đầy đủ thì từ chối. + Trường hợp: Hồ sơ đầy đủ theo quy định tiếp nhận (Scant hồ sơ và thu phí thẩm định trong trường hợp chủ dự án/cơ sở có nhu cầu). Bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn kèm biên lai thu phí (nếu có))	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý môi trường	Lãnh đạo phòng	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên	+ Trường hợp: Hồ sơ đạt yêu cầu, dự thảo các văn bản để tổ chức thẩm định; thông báo nộp phí thẩm định. + Trường hợp: Hồ sơ không đạt yêu cầu dự thảo văn bản thông báo cho chủ dự án.	03 ngày
		Lãnh đạo phòng	Thẩm định dự thảo	1/2 ngày
		Lãnh đạo sở	Ký, ban hành	1/2 ngày
B3	UBND tỉnh ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định			03 ngày
B4	Tổ chức các hoạt động thẩm định (gửi hồ sơ cho các thành viên; Họp thẩm định; tổng hợp kết quả; trình ban hành Thông báo kết quả thẩm định)			20 ngày

B5	UBND tỉnh ban hành thông báo kết quả thẩm định			02 ngày
B6	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Chuyển hồ sơ về phòng chuyên môn	1/2 ngày
B7	Phòng Quản lý môi trường thẩm định hồ sơ trình phê duyệt	Chuyên viên	Dự thảo Văn bản trình cấp phép hoặc không cấp phép (trong trường hợp không đủ điều kiện)	08 ngày
		Lãnh đạo phòng	Thẩm định dự thảo	1/2 ngày
		Lãnh đạo sở	Ký, ban hành	1/2 ngày
B8	Liên thông UBND tỉnh ban hành Quyết định hoặc văn bản trả hồ sơ			05 ngày
B9	Tiếp nhận và trả kết quả liên thông	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Sản phẩm liên thông	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				45 ngày
Ghi chú: Trường hợp phải hoàn thiện hồ sơ, chủ dự án được phép chỉnh sửa không quá 12 tháng. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thẩm định.				

3. Thủ tục Cấp giấy phép môi trường

3.1. Đối với Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Thời gian giải quyết: 20 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B1	Nhận, kiểm tra sơ bộ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	+ Trường hợp: Hồ sơ không đầy đủ thì từ chối tiếp nhận. + Trường hợp: Hồ sơ đầy đủ theo quy định tiếp nhận (Scant hồ sơ và thu phí thẩm định trong trường hợp chủ dự án/cơ sở có nhu cầu). Bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn kèm biên lai thu phí	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý môi trường	Lãnh đạo phòng	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên	+ Trường hợp đạt yêu cầu: dự thảo các văn bản để tổ chức thẩm định; thông báo nộp phí thẩm định. + Trường hợp: Hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ thì Dự thảo văn bản thông báo cho chủ dự án.	03 ngày
		Lãnh đạo phòng	Thẩm định dự thảo	1/2 ngày
		Lãnh đạo sở	Ký, ban hành	1/2 ngày
B3	UBND tỉnh ban hành Quyết định thành lập hội đồng thẩm định			02 ngày

B4	Thẩm định	Tổ chức các hoạt động thẩm định (gửi hồ sơ cho các thành viên; Hội thẩm định; tổng hợp kết quả; trình ban hành Thông báo kết quả thẩm định)		06 ngày
B5	UBND tỉnh		Ban hành thông báo kết quả thẩm định	02 ngày
B6	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chuyển hồ sơ về phòng chuyên môn	1/4 ngày
B7	Phòng Quản lý môi trường	Chuyên viên	Dự thảo Văn bản trình cấp phép hoặc không cấp phép (trong trường hợp không đủ điều kiện)	02 ngày
		Lãnh đạo phòng	Thẩm định dự thảo	1/4 ngày
		Lãnh đạo sở	Ký, ban hành	1/4 ngày
B8	Liên thông UBND tỉnh ban hành Giấy phép môi trường hoặc văn bản trả hồ sơ			02 ngày
B9	Tiếp nhận và trả kết quả liên thông	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Sản phẩm liên thông	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				20 ngày
Ghi chú: Trường hợp phải hoàn thiện hồ sơ, chủ dự án/cơ sở được phép chỉnh sửa không quá 12 tháng. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.				

3.2. Cấp Giấy phép môi trường đối với trường hợp còn lại

- Thời gian giải quyết: 30 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Nhận, kiểm tra sơ bộ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	+ Trường hợp: Hồ sơ không đầy đủ thì từ chối. + Trường hợp: Hồ sơ đầy đủ theo quy định tiếp nhận (Scant hồ sơ và thu phí thẩm định trong trường hợp chủ dự án/cơ sở có nhu cầu). Bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn kèm biên lai thu phí	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý môi trường	Lãnh đạo phòng	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên	+ Trường hợp đạt yêu cầu: dự thảo các văn bản để tổ chức thẩm định; thông báo nộp phí thẩm định. + Trường hợp: Hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ thì Dự thảo văn bản thông báo cho chủ dự án.	03 ngày
		Lãnh đạo phòng	Thẩm định dự thảo	1/2 ngày
		Lãnh đạo sở	Ký, ban hành	1/2 ngày
B3	UBND tỉnh ban hành Quyết định thành lập hội đồng thẩm định/đoàn kiểm tra			03 ngày
B4	Thẩm định	Tổ chức các hoạt động thẩm định (gửi hồ sơ cho các thành viên; Họp thẩm định; tổng hợp kết quả; trình ban hành Thông báo kết quả thẩm định)	Kết quả thẩm định	05 ngày
B5	UBND tỉnh		Ban hành thông báo thẩm định	02 ngày

B6	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chuyển hồ sơ về phòng chuyên môn	1/2 ngày
B7	Phòng Quản lý môi trường	Chuyên viên	Dự thảo Văn bản trình cấp phép hoặc không cấp phép (trong trường hợp không đủ điều kiện)	08 ngày
		Lãnh đạo phòng	Thẩm định dự thảo	1/2 ngày
		Lãnh đạo sở	Ký, ban hành	1/2 ngày
B8	Liên thông UBND tỉnh ban hành Giấy phép môi trường hoặc văn bản trả hồ sơ			05 ngày
B9	Tiếp nhận và trả kết quả liên thông	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Sản phẩm liên thông	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				30 ngày
Ghi chú: Trường hợp phải hoàn thiện hồ sơ, chủ dự án/cơ sở được phép chỉnh sửa không quá 12 tháng. Thời gian phân tích mẫu chất thải và hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép				

4. Thủ tục Cấp đổi giấy phép môi trường

- Thời gian giải quyết : 10 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Nhận, kiểm tra sơ bộ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	+ Trường hợp: Hồ sơ không đầy đủ thì từ chối. + Trường hợp: Hồ sơ đầy đủ theo quy định tiếp nhận (Scant hồ sơ) - Chuyển hồ sơ cho Phòng Quản lý môi trường	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý môi trường	Chuyên viên	Thẩm định	04 ngày
		Lãnh đạo phòng	Thẩm định dự thảo	1/2 ngày
		Lãnh đạo sở	Ký, ban hành	1/2 ngày
B3	Tiếp nhận, chuyển liên thông	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Kèm hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B4	Liên thông UBND tỉnh ban hành	Giấy phép hoặc trả hồ sơ		3,5 ngày
B5	Tiếp nhận và trả kết quả liên thông	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Sản phẩm liên thông	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				10 ngày

5. Thủ tục Cấp Điều chỉnh giấy phép môi trường

- Thời gian giải quyết : 25 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực
B1	Nhận, kiểm tra sơ bộ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	+ Trường hợp: Hồ sơ không đầy đủ thì từ chối. + Trường hợp: Hồ sơ đầy đủ theo quy định tiếp nhận (Scant hồ sơ và thu phí thẩm định trong trường hợp chủ dự án/cơ sở có nhu cầu). Bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn kèm biên lai thu phí (nếu có)	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý môi trường	Lãnh đạo phòng	Phân công thẩm định	1/2 ngày
		Chuyên viên	Tổ chức thẩm định và thông báo nộp phí thẩm định.	10 ngày
		Lãnh đạo phòng	Thẩm định dự thảo	1/2 ngày
		Lãnh đạo sở	Ký, ban hành	1/2 ngày
B3	Tiếp nhận, chuyển liên thông	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Kèm hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B4	Liên thông UBND tỉnh cấp phép hoặc Thông báo hoàn thiện hoặc trả hồ sơ			05 ngày
B5	Thẩm định hồ sơ chỉnh sửa bổ sung		Dự thảo cấp GPMT hoặc Tờ trình đề nghị không cấp phép	07 ngày
B6	Tiếp nhận và trả kết quả liên thông	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Sản phẩm liên thông	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				25 ngày
Ghi chú: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.				

6. Cấp lại Giấy phép môi trường

6.1. Cấp lại Giấy phép môi trường đối với Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và khi có yêu cầu của chủ dự án đầu tư

Thời gian giải quyết: 20 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B1	Nhận, kiểm tra sơ bộ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	+ Trường hợp: Hồ sơ không đầy đủ thì từ chối tiếp nhận. + Trường hợp: Hồ sơ đầy đủ theo quy định tiếp nhận (Scant hồ sơ và thu phí thẩm định trong trường hợp chủ dự án/cơ sở có nhu cầu). Bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn kèm biên lai thu phí (nếu có).	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý môi trường	Lãnh đạo phòng	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên	+ Trường hợp đạt yêu cầu: dự thảo các văn bản để tổ chức thẩm định; thông báo nộp phí thẩm định. + Trường hợp: Hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ thì Dự thảo văn bản thông báo cho chủ dự án.	03 ngày
		Lãnh đạo phòng	Thẩm định dự thảo	1/2 ngày
		Lãnh đạo sở	Ký, ban hành	1/2 ngày
B3	UBND tỉnh ban hành Quyết định thành lập hội đồng thẩm định			02 ngày

B4	Thẩm định	Tổ chức các hoạt động thẩm định (gửi hồ sơ cho các thành viên; Họp thẩm định; tổng hợp kết quả; trình ban hành Thông báo kết quả thẩm định)		06 ngày
B5	UBND tỉnh		Ban hành thông báo thẩm định	02 ngày
B6	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chuyển hồ sơ về phòng chuyên môn	1/4 ngày
B7	Phòng Quản lý môi trường	Chuyên viên	Dự thảo Văn bản trình cấp phép hoặc không cấp phép (trong trường hợp không đủ điều kiện)	02 ngày
		Lãnh đạo phòng	Thẩm định dự thảo	1/4 ngày
		Lãnh đạo sở	Ký, ban hành	1/4 ngày
B8	Liên thông UBND tỉnh ban hành Giấy phép môi trường hoặc văn bản trả hồ sơ			02 ngày
B9	Tiếp nhận và trả kết quả liên thông	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Sản phẩm liên thông	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				20 ngày
Ghi chú: Trường hợp phải hoàn thiện hồ sơ, chủ dự án/cơ sở được phép chỉnh sửa không quá 12 tháng. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.				

6.2. Cấp lại Giấy phép môi trường đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường

- Thời gian giải quyết: 30 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Nhận, kiểm tra sơ bộ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	+ Trường hợp: Hồ sơ không đầy đủ thì từ chối. + Trường hợp: Hồ sơ đầy đủ theo quy định tiếp nhận (Scant hồ sơ và thu phí thẩm định trong trường hợp chủ dự án/cơ sở có nhu cầu). Bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn kèm biên lai thu phí (nếu có)	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý môi trường	Lãnh đạo phòng	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên	+ Trường hợp đạt yêu cầu: dự thảo các văn bản đề tổ chức thẩm định; thông báo nộp phí thẩm định. + Trường hợp: Hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ thì Dự thảo văn bản thông báo cho chủ dự án.	03 ngày
		Lãnh đạo phòng	Thẩm định dự thảo	1/2 ngày
		Lãnh đạo sở	Ký, ban hành	1/2 ngày
B3	UBND tỉnh ban hành Quyết định thành lập hội đồng thẩm định/đoàn kiểm tra			03 ngày
B4	Thẩm định	Tổ chức các hoạt động thẩm định (gửi hồ sơ cho các thành viên; Họp thẩm định; tổng hợp kết quả; trình ban hành Thông báo kết quả thẩm định)	Kết quả thẩm định	05 ngày

B5	UBND tỉnh		Ban hành thông báo thẩm định	02 ngày
B6	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chuyển hồ sơ về phòng chuyên môn	1/2 ngày
B7	Phòng Quản lý môi trường	Chuyên viên	Dự thảo Văn bản trình cấp phép hoặc không cấp phép (trong trường hợp không đủ điều kiện)	08 ngày
		Lãnh đạo phòng	Thẩm định dự thảo	1/2 ngày
		Lãnh đạo sở	Ký, ban hành	1/2 ngày
B8	Liên thông UBND tỉnh ban hành Giấy phép môi trường hoặc văn bản trả hồ sơ			05 ngày
B9	Tiếp nhận và trả kết quả liên thông	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Sản phẩm liên thông	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				30 ngày
Ghi chú: Trường hợp phải hoàn thiện hồ sơ, chủ dự án/cơ sở được phép chỉnh sửa không quá 12 tháng. Thời gian phân tích mẫu chất thải và hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.				

II. QUY TRÌNH LIÊN THÔNG UBND XÃ: 01 quy trình

1. Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về công chức chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Văn bản xin ý kiến và Báo cáo đánh giá tác động môi trường	1/2 ngày
B2	Bộ phận chuyên môn	Lãnh đạo UBND cấp xã	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Phòng chuyên môn	+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Dự thảo các văn bản tổ chức tham vấn; + Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Dự thảo văn bản trả lại hồ sơ	02 ngày
		Lãnh đạo UBND cấp xã	Ký, ban hành	1/2 ngày
B3	Tổ chức tham vấn		Niên yết báo cáo đánh giá tác động môi trường; tổ chức họp tham vấn; dự thảo văn bản tham gia ý kiến	10 ngày
B4	Lãnh đạo UBND xã	Ký ban hành văn bản tham gia ý kiến		01 ngày
B5	Chuyển trả kết	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Văn bản tham gia ý kiến	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày
Ghi chú: Trường hợp không có văn bản trả lời trong thời hạn quy định được coi là thống nhất với nội dung tham vấn				